Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang
Chương: 01

Biểu số 1
(Ban hành kèm theo TT số 90/2018/TT-BTC
ngày 28/9/2019 của Bộ Tài chính

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 35/QĐ-CTHADS ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Cục THADS tỉnh Tuyên Quang)

Đvt: 1000 Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó							
				Văn phòng Cục	Chi cục THADS Chiêm Hóa	Chi cục THADS Hàm yên	Chi cục THADS Na hang	Chi cục THADS Sơn Dương	Chi cục THADS Yên Sơn	Chi cục THADS Thành phố	Chi cục THADS Lâm Bình
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**										
1	Số thu phí, lệ phí	663,000	663,000	3,000	13,000	80,000	9,000	186,000	111,000	256,000	5,000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	364,650	364,650	1,650	7,150	44,000	4,950	102,300	61,050	140,800	2,750
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	165,750	165,750	750	3,250	20,000	2,250	46,500	27,750	64,000	1,250
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**26,456,817**	**25,578,017**	**9,544,812**	**2,093,167**	**2,784,847**	**1,517,735**	**3,043,207**	**2,328,219**	**2,974,219**	**1,291,811**
1	**Chi quản lý hành chính (Loại 340-341)**	**26,456,817**	**25,578,017**	**9,544,812**	**2,093,167**	**2,784,847**	**1,517,735**	**3,043,207**	**2,328,219**	**2,974,219**	**1,291,811**
1.1	Kinh phí thực hiện chế đô tự chủ	**23,215,779**	23,215,779	8,155,574	2,063,167	1,966,847	1,507,735	3,013,207	2,298,219	2,929,219	1,281,811
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 12)	**2,362,238**	2,362,238	1,389,238	30,000	818,000	10,000	30,000	30,000	45,000	10,000
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 18)	**878,800**	878,800	312,476	78,800	72,400	54,100	117,924	86,300	113,500	43,300
2	**Nghiên cứu khoa học**										